

MỐI LIÊN HỆ GIỮA TIÊU ĐỀ VÀ LỜI DẪN TRONG BÁO ĐIỆN TỬ TIẾNG ANH

Nguyễn Thị Thanh Hương*

Khoa Ngoại ngữ, Học viện Báo chí và Tuyên truyền, 36 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam

Nhận bài ngày 07 tháng 09 năm 2017

Chỉnh sửa ngày 25 tháng 09 năm 2017; Chấp nhận đăng ngày 29 tháng 09 năm 2017

Tóm tắt: Là hai thành phần không thể thiếu và có vai trò quan trọng nhất trong một bài báo tiếng Anh, tiêu đề và lời dẫn có mối liên hệ chặt chẽ không chỉ từ góc độ báo chí mà cả ngôn ngữ. Nếu coi chức năng của tiêu đề là giới thiệu chủ đề của văn bản báo, thì lời dẫn có vai trò không chỉ duy trì mà còn phát triển chủ đề đó thông qua các phương thức từ vựng và ngữ pháp. Mối liên kết duy trì và phát triển chủ đề này được thiết lập nhằm tăng khả năng cung cấp thông tin hỗ trợ của lời dẫn cho tiêu đề để hoàn thành các nhiệm vụ chính: cung cấp thông tin và thu hút độc giả. Nghiên cứu này tiến hành khảo sát 150 bài báo được lựa chọn từ 3 báo điện tử tiếng Anh tiêu biểu như ‘BBC’, ‘The Guardian’ và ‘The Reuters’ để phát hiện tính phổ quát và đặc thù trong phong cách của các báo. Tuy khác nhau về mức độ phát triển chủ đề của tiêu đề các báo và bài báo cụ thể, một loạt các phương thức từ vựng và cú pháp nhằm liên kết duy trì và phát triển chủ đề thường đồng loạt xuất hiện trong một lời dẫn nhằm hỗ trợ lẫn nhau tạo nên mối quan hệ khăng khít, không thể tách rời giữa hai phần của văn bản báo.

Từ khóa: tiêu đề, lời dẫn, duy trì chủ đề, phát triển chủ đề

1. Giới thiệu chung

Trong xã hội hiện đại, nhu cầu tiếp nhận thông tin trên các báo tiếng Anh ngày càng tăng, và cùng với nhu cầu đó là số lượng thông tin cũng tăng lên theo cấp số nhân do khả năng tiếp cận thông tin qua mạng internet nói chung và báo mạng điện tử nói riêng ngày càng dễ dàng. Điều này dẫn đến một thực tế là người đọc phải chọn lựa thông tin cần thiết từ hàng ngàn các trang báo điện tử mà họ có thể tiếp cận. Về phía mình, những người cung cấp thông tin cũng phải luôn làm cho thông tin của họ thu hút được sự chú ý của người đọc. Trên các báo mạng điện tử (online newspapers), chức năng này do tiêu đề (headline) và lời dẫn (lead) đảm nhiệm.

1.1. Mục đích nghiên cứu

Bài viết này khảo sát các đặc điểm nổi trội của các phương thức tạo nên sự kết nối giữa tiêu đề (TD) và lời dẫn (LD) để duy trì và phát triển chủ đề trong một số báo điện tử tiếng Anh nhằm tìm ra các quy tắc chung trong mối liên kết này.

Kết quả khảo sát sẽ góp phần giúp người đọc báo tiếng Anh trên mạng dễ dàng hơn trong việc định vị các chi tiết thông tin cần thiết cũng như nắm bắt được nội dung chính của bài báo nhằm giải mã thông điệp của tác giả một cách nhanh chóng và chính xác nhất. Kết quả khảo sát cũng đồng thời phục vụ cho việc học tiếng Anh, dịch thuật, cũng như trao đổi thông tin.

1.2. Phương pháp nghiên cứu

Khảo sát được tiến hành thông qua phương pháp định lượng dựa trên ngữ liệu từ 3 báo điện tử tiếng Anh: ‘BBC’, ‘The Guardian’ (G) và ‘The Reuters’ (R) trong thời gian từ 2015 đến tháng 8 năm 2017 có chủ đề liên quan đến các vấn đề thuộc nhiều lĩnh vực khác nhau và sự kiện thu hút được sự quan tâm của đông đảo độc giả.

Cùng với sự phát triển của công nghệ và nhu cầu của độc giả, sự sáng tạo của những người làm báo cũng không có giới hạn dù vẫn tuân theo các quy tắc cơ bản. Speakman B.C. (2011) cho rằng báo điện tử sử dụng các kỹ

* ĐT.: 84-913035344

Email: thanhhuong6130@gmail.com

năng kể chuyện khác nhau và đã thay đổi một số quy tắc truyền thống. Một biểu hiện của sự thay đổi đó là trên báo ‘The Guardian’, khác so với 2 báo còn lại, ngoài TĐ chính còn có TĐ dẫn hay tóm tắt tin (news abstract) (có vị trí xuất hiện sau TĐ chính và trước LD để tóm tắt hay giải thích thông tin liên quan). Tuy nhiên, chúng tôi sẽ khảo sát theo tiêu chí truyền thống (xem 2.1.1): chỉ xét đến mối quan hệ giữa TĐ chính và LD.

2. Các khái niệm chính

Báo điện tử có xuất phát điểm là báo in. Về phương diện ngôn ngữ, sự khác biệt lớn nhất giữa hai dạng báo này chính là độ dài của bài báo. Theo Steele J. (2015), một bài báo điện tử chỉ nên dài từ 1.000–1.500 từ. Tuy nhiên, trên thực tế sự khác biệt cơ bản nhất giữa chúng là báo điện tử có số lượng trang không giới hạn, điều đó có nghĩa là khoảng không dành cho đăng tải thông tin không phải là trở ngại cho người làm báo. Nói cách khác, các bài báo có thể dài ở mức độ tự nhiên mà không bị hạn chế. Ngoài ra, các bài báo còn có thể được cập nhật các sự kiện mới hoặc chỉnh sửa khi cần thiết, điều không bao giờ xảy ra đối với các báo in. Tuy nhiên, với hai phần của văn bản báo được lựa chọn làm đối tượng nghiên cứu của bài viết này không có sự khác biệt quá lớn giữa đặc điểm của chúng ở hai hình thức phát hành, do vậy về mặt nguyên tắc có thể khảo sát về các mối liên hệ giữa TĐ và LD của báo điện tử dựa trên các đặc điểm của báo in.

2.1. Tiêu đề và lời dẫn

2.1.1. Định nghĩa

Có nhiều cách định nghĩa tiêu đề và lời dẫn, nhưng các tác giả đều thống nhất quan điểm về một số điểm chủ yếu.

Theo Wehmeier (2010), tiêu đề (headline, title) là một văn bản ngắn, được in bằng cỡ chữ to ở vị trí phía trên của bài báo để giới thiệu chủ đề. TĐ thu hút sự chú ý của người đọc và liên quan mật thiết đến đề tài. Trong

các báo hiện đại, TĐ thường được viết dưới dạng ngắn gọn với nhiều chi tiết của câu đầy đủ bị lược bớt và hầu như đều bao gồm động từ có nghĩa từ vựng⁽¹⁾.

Theo Rafter (2014), lời dẫn (lead) là đoạn đầu tiên (introductory paragraph, opening paragraph) của bài báo, thu hút sự chú ý của người đọc và tóm tắt nội dung chính của câu chuyện, đồng thời tạo nên chủ thể, phong cách của văn bản báo và dẫn dắt người đọc vào nội dung của bài báo. Trong các bản tin, LD (đoạn giới thiệu) thường bao gồm các chi tiết quan trọng nhất, và trả lời các câu hỏi: 5W&1H (Who, What, Where, When, Why và How). Trong các bài đặc kí, có nhiều cách để mở đầu, thường là sử dụng các móc trong kể chuyện. Sau khi đọc LD, người đọc sẽ quyết định có tiếp tục đọc phần nội dung (body) của bài báo hay không⁽²⁾.

Rafter (2014) chỉ ra rằng trên báo điện tử, LD cũng là cơ hội để khuyến khích người đọc nhấn vào TĐ, truy cập và tiếp tục đọc cả bài báo. LD có thể là phần duy nhất, ngoài TĐ là phần bắt buộc, của bài báo hiện lên ở dạng đầy đủ hoặc bộ phận trên trang chủ (home page). Do đó, nếu sau khi lướt qua TĐ người đọc đang còn do dự xem có nên dành thêm thời gian cho bài báo hay không, thì LD chính là điều giúp người đọc đưa ra quyết định.

Theo Harkrider (1997), LD là phần quan trọng nhất của một bản tin cũng như đặc kí (feature), với chức năng cung cấp thông tin về câu chuyện và tạo hứng thú cho người đọc tiếp tục khám phá phần tiếp theo (tr. 18). Đặc biệt là khi các đoạn khác trong bản tin bị cắt, lược đi thì nội dung câu chuyện vẫn không thay đổi. (tr. 56). Ở khía cạnh này, LD trong bản tin có đặc điểm giống như một tin vắn (brief news).

¹ <https://www.iusb.edu/english/academic-programs/first-year-writing/Essential%20Handouts%20Opening%20Paragraph.pdf>, Accessed: 5/7/2017 13:00

² <http://www.ktnetafrica.net/news/writing-newspaper-articles>, Accessed: 12/6/2017 18:00

Ngô Đình Phương (2009) chỉ ra rằng trong phần TĐ ý chính của tin được giới thiệu, LD là đoạn mở đầu và thường bao gồm ý chính nhưng được trình bày chi tiết hơn.

Nếu theo mô hình ‘thực trạng – giải pháp’ với các bước cụ thể là: tình huống – vấn đề – giải pháp – đánh giá (situation – problem – solution – evaluation) TĐ và LD mới chỉ là 2 bước đầu tiên của cả quá trình (situation – problem). Ngô Đình Phương (2009) cho rằng nếu tách riêng TĐ ra khỏi bài báo, sẽ không có dấu hiệu của mô hình ‘thực trạng – giải pháp’ (problem-solution pattern), và trong LD chủ đề của tin được nhắc đến một cách chi tiết.

Những khái niệm được các tác giả nêu ra trên đây cho thấy, xét từ góc độ báo chí và ngôn ngữ, trên báo in nói chung và báo mạng điện tử nói riêng, tiêu đề là văn bản có vị trí cao nhất của một bài báo, được đánh dấu bằng các dấu hiệu đặc biệt trong trình bày (in to và đậm), và ở dạng ngữ hoặc câu ngắn gọn; lời dẫn là đoạn đầu tiên của bài báo, tóm tắt nội dung chính của câu chuyện với các một số chi tiết quan trọng nhất (5W&1H).

2.1.2. Vai trò của tiêu đề và lời dẫn trong bài báo

2.1.2.1. Vai trò của tiêu đề

Harkrider (1997) nêu ra 4 nhiệm vụ của TĐ bài báo gồm:

- 1) Tóm tắt thông tin
- 2) Đánh giá tầm quan trọng của câu chuyện
- 3) Hé lộ các chi tiết của câu chuyện
- 4) Thuyết phục người chỉ nhìn lướt qua trở thành người đọc nội dung.

Để đạt được mục đích thứ 4, các TĐ cần phải đơn giản, ngắn gọn và dễ hiểu đủ để người đọc ngay lập tức định hình được thông tin, đồng thời dễ trình bày trên mặt báo, do đó TĐ không dài quá 45 chữ cái cho cả TĐ và không quá 32 chữ cái cho mỗi dòng (tr. 80).

Mallette (1990) chỉ ra rằng các dữ kiện của TĐ thường lấy từ LD, dùng các chi tiết cụ thể thay cho thông tin chung chung, dùng

câu hoặc phát ngôn đầy đủ (có chủ và vị ngữ tường minh hoặc ngầm ẩn), động từ thời hiện tại để tả sự kiện trong quá khứ, câu chủ động thay cho bị động, giản lược trợ động từ giới từ, từ nối thay bằng dấu chấm câu khi có thể (tr. 85).

2.1.2.2. Vai trò của lời dẫn trong bài báo

Theo Harkrider (1997), mục đích của LD là mời và khuyến khích người đọc dõi theo diễn biến của câu chuyện (tr. 21). Cũng giống như đoạn mở đầu trong tất cả các văn bản, LD đẩy sự chú ý của người đọc lên mức cao nhất. Tereszkievicz (2012) cho rằng LD được ví như tấm bản đồ dẫn dắt người đọc trong suốt bài báo, và là nơi các nhân vật (characters - who, what) và bối cảnh (setting – where, when) của câu chuyện lộ diện.

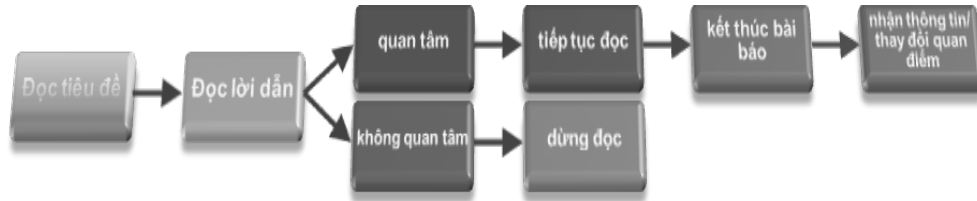
Theo quan điểm báo chí, có nhiều dạng LD, tuy nhiên các tác giả đều thống nhất rằng LD chỉ nên bao gồm 3 hoặc 4 trong số 5W&1H. Những chi tiết còn lại để xuống các đoạn tiếp theo.

Xuất phát từ những quan điểm nêu trên, có thể mô tả mối quan hệ giữa TĐ và LD là: TĐ bắt đầu bài báo bằng cách đưa ra tình huống một cách vắn tắt và gợi trí tò mò từ phía người đọc, LD vừa *duy trì* những thành quả của TĐ (chủ đề) một cách sáng tạo vừa *phát triển* chủ đề bằng cách bổ sung những chi tiết thông tin liên quan ở các mức độ khác nhau vừa đủ để giải đáp thắc mắc của người đọc, vừa mô tả những vấn đề mới nảy sinh có thể là từ chính những thông tin vừa được cung cấp khiến cho người đọc muốn tiếp tục khám phá con đường mà họ mới bắt đầu.

Dựa trên kinh nghiệm và các quan sát thực tế của tác giả, có thể mô tả quá trình đọc báo điện tử như sau: theo logic, sau khi đọc lướt (glance) một TĐ trên trang chủ báo điện tử tiếng Anh với một số từ bị giản lược khiến cho TĐ (tình huống) có thể trở nên ‘bí ẩn’, người đọc sẽ đặt ra một loạt câu hỏi và sẽ cố gắng tìm thêm thông tin (vấn đề) ở phần văn bản hiện ra ngay bên cạnh (LD). Nếu cảm thấy

thực sự quan tâm họ sẽ nhấn vào các vị trí cần thiết để dẫn đến phần còn lại của bài báo và tìm câu trả lời (solution) cho những câu hỏi vừa xuất hiện.

Có thể mô tả các bước khám phá câu chuyện của người đọc báo điện tử như sau:



Biểu 1. Các bước khám phá câu chuyện của người đọc báo điện tử

Từ những khái niệm được nêu ra trên đây, có thể thấy rằng, từ góc độ báo chí và ngôn ngữ, tiêu đề có chức năng giới thiệu chủ đề thường ở dạng tình huống; lời dẫn có chức năng duy trì và phát triển chủ đề được nêu ra ở tiêu đề. Cả tiêu đề và lời dẫn đều hướng tới mục đích chung: thu hút sự chú ý của người đọc và khuyến khích họ đọc đến hết bài báo.

2.1.3. Đặc điểm ngôn ngữ của tiêu đề và lời dẫn

Viết TĐ và LD luôn là công việc khó khăn nhất, do chúng phải đáp ứng rất nhiều đòi hỏi cả từ góc độ báo chí lẫn ngôn ngữ. Giữa TĐ và LD trong văn bản báo có mối quan hệ rất phức tạp. Trên thực tế, các dữ kiện của TĐ

thường lấy từ LD. Nói cách khác, nếu coi TĐ là câu hạt nhân, là khung (frame) của LD, thì LD bao TĐ trong cấu trúc của nó, là sự mở rộng của TĐ, nên giữa hai phần này của bài báo có mối quan hệ qua lại chặt chẽ với nhau, phụ thuộc vào nhau. Harkrider (1997: 12) và Michael (2013: 16,17) có đồng quan điểm về các đặc điểm ngôn ngữ của tiêu đề và lời dẫn.

Bảng 1. Các đặc điểm ngôn ngữ của tiêu đề và lời dẫn

Tiêu đề	Lời dẫn
Nêu tình huống, chủ đề	Nêu vấn đề khiến người đọc thắc mắc nhưng không dưới dạng câu hỏi
Giới hạn về số lượng từ (không quá 45 ký tự)	Giới hạn về số lượng từ và câu (từ 25 đến 30 từ trong 1 đến 2 câu)
Câu có cấu trúc đơn giản nhưng ở dạng đầy đủ (S-V)	Dùng các chi tiết đắt giá nhất liên quan đến tiêu đề nhưng chỉ 3 hoặc 4 trong số 5W&1H
Cho phép giản lược mạo từ, trợ động từ 'to be' và giới từ	Không cho phép giản lược
Dùng dạng phân từ quá khứ thay cho bị động	Động từ dạng chủ động thay vì bị động
Dùng dạng hiện tại đơn thay cho tiếp diễn và hoàn thành	Dùng dạng hiện tại và tương lai ở mức tối đa
Dạng nguyên thể 'to-V' thể hiện nghĩa tương lai	Các dạng nghĩa tương lai đầy đủ
Dạng câu hạt nhân (S-V-O) (Core Sentence)	Dạng câu hạt nhân với hệ thống các thành tố được mở rộng nghĩa và cú phụ nêu thông tin bổ trợ
Chuỗi các danh từ	Dạng danh ngữ mở rộng
Dùng dấu ':' phân cách chủ ngữ và phần còn lại của tiêu đề	Câu phức với cú phụ hoặc câu đơn với cấu trúc nhiều tầng bậc
Từ ngắn, có khả năng biểu cảm	Từ ngữ và cấu trúc đơn giản, dễ hiểu

Harkrider (1997: 12), Michael (2013: 16,17)

2.2. Liên kết chủ đề

Trần Ngọc Thêm (1999) cho rằng hai phát ngôn có thể coi là có liên kết chủ đề khi chúng nói đến những đối tượng chung hoặc những đối tượng có quan hệ mật thiết với nhau thông qua 7 phương thức thể hiện liên kết chủ đề, trong đó các phương thức liên kết duy trì chủ đề gồm lặp từ vựng, thể đồng nghĩa, thể đại từ, tính lược yếu, tính lược mạnh và phương thức liên kết phát triển chủ đề gồm phép liên tưởng hoặc phép đối (tr. 240).

2.3. Liên kết từ vựng

Nordquist (2016) chỉ ra rằng một đoạn văn bản thống nhất bám sát chủ đề từ đầu đến cuối, với mọi câu đều góp phần vào mục đích trọng tâm và ý chính của đoạn đó. Một đoạn văn bản với các câu được liên kết mạch lạc được coi là liên kết chặt chẽ (tr.17).

Theo Halliday và Hasan (1976), hiệu lực của liên kết từ vựng là kết quả của việc lựa chọn từ (tr. 274).

Neal và Brown (1982) cho rằng một tập hợp từ được cho là có mối liên kết từ vựng khi tất cả các từ có cùng trường nghĩa, cùng liên quan đến một chủ đề. Liên kết từ vựng không liên quan đến ngữ pháp, mà xuất phát từ mối quan hệ giữa các từ. Mối quan hệ này không chỉ xuất hiện giữa 2 từ, mà giữa một số lượng từ có mối liên hệ gần gũi với chủ đề của một văn bản. Các từ này tạo nên sự tiếp nối của các từ có liên quan, còn gọi là chuỗi từ vựng (lexical chains). Mặc dù mối liên hệ giữa các từ trong chuỗi có thể không chặt chẽ, chúng vẫn cùng xuất hiện trong một khoảng cách được xác định. Các chuỗi từ vựng không chỉ xuất hiện trong khuôn khổ một câu, mà vượt qua ranh giới của câu và phân bố trong toàn văn bản (tr.17).

Bảng 2. Các dạng liên kết từ vựng

	Các dạng liên kết từ vựng	Mối quan hệ quy chiếu
1	Sự lặp lại (reiteration)	
	Lặp y nguyên (repetition)	Đồng quy chiếu

	Đồng nghĩa hoặc gần nghĩa (synonym/ near synonym)	Bao chứa
	Từ bao quát (superordinate)	Loại trừ
	Từ chỉ nhóm/ tập hợp (general word)	Không liên quan
2	Sự kết hợp từ (collocation)	

(Nguồn: Halliday và Hasan, 1976: 288)

2.3.1. Lặp từ vựng

Nordquist (2016) cho rằng lặp lại các từ khoá trong đoạn văn bản là một kỹ năng để đạt được liên kết. Việc lặp lại một cách có chủ ý các từ, cụm từ khoá có thể là chiến lược hiệu quả để có được các đoạn văn bản liên kết chặt chẽ (tr.17)

Theo Halliday và Hasan (1976), phép lặp bao gồm nhắc lại cùng một đơn vị từ vựng (lặp y nguyên), nhưng cũng bao gồm cả các đơn vị liên quan, có cùng vật thể quy chiếu hay không cùng quy chiếu (tr. 279).

Nguyễn Thị Việt Thanh (1999) chỉ ra rằng lặp từ vựng là phương thức liên kết duy trì chủ đề dễ nhận thấy nhất và rất cần thiết, nhưng nếu lặp quá nhiều lần một yếu tố từ vựng thì không tránh khỏi cảm giác dư thừa, nhàm chán (tr. 33).

Halliday và Hasan (1976) cho rằng từ đồng nghĩa có thể được phân chia thành: đồng nghĩa có xác định quy chiếu (with identity of reference) (mối liên kết được thiết lập bởi các từ đồng nghĩa ở nghĩa hẹp với từ bao chứa có mức độ phổ quát giống hoặc khác) hoặc không xác định quy chiếu (without identity of reference) (đơn vị từ vựng quy chiếu về một vật thể không cùng dạng thức) (tr.283).

Theo Nguyễn Thị Việt Thanh (1999) phương thức thể đồng nghĩa được thực hiện bằng việc thay tên gọi của một đối tượng nào đó trong chủ ngôn bằng một tên gọi hoặc một ngữ đoạn khác có giá trị biểu vật tương đương, vừa có chức năng duy trì chủ đề, vừa tạo nên sự phong phú đa dạng cho lời nói. (tr.34)

Theo Morris và Hirst (1991), trái nghĩa (antonym), từ quan hệ bộ phận – toàn bộ

(meronym), hay quan hệ thượng hạ danh (hyponym) cũng được coi là 3 dạng đồng nghĩa không xác định quy chiếu.

Xian-mo (2007) cho rằng ngoài khái niệm ‘đồng nghĩa’ vẫn thường được sử dụng, còn gọi là đồng nghĩa ngữ nghĩa (semantic synonyms), trong văn bản còn có mối liên kết giữa các từ không phải là đồng nghĩa về phương diện ngữ nghĩa, nhưng chúng lại đồng nghĩa với nhau trong ngữ cảnh cụ thể, được gọi là đồng nghĩa ngữ cảnh (contextual synonym hay context-dependent synonymy).

Nguyễn Thị Việt Thanh (1999) cho rằng phép đối và liên tưởng (association – bao gồm liên tưởng bao hàm, đồng loại, định vị, định chức, đặc trưng, nhân quả) là phương thức liên kết phát triển chủ đề (tr.45).

2.3.2. Sự kết hợp từ (collocation)

Halliday và Hasan (1976) cho rằng sự kết hợp từ xuất hiện khi 2 hay nhiều từ không nhất thiết phụ thuộc vào nhau về nghĩa, nhưng ở một mức độ nào đó chúng có xu hướng xuất hiện cùng nhau trong một ngữ cảnh/ môi trường từ vựng (tr. 131).

2.4. Mở rộng nghĩa cho câu hạt nhân

Theo Nordquist (2017), việc mở rộng câu là quá trình bổ sung thêm từ, ngữ hay cú cho cú chính (independent clause). Câu hạt nhân được mở rộng nghĩa cả bằng phương thức cú pháp cũng như ngữ nghĩa. Ở phương diện cú pháp, ở cấp độ câu, một cú độc lập có thể được bổ sung thêm trạng ngữ, cấu trúc tách biệt, cú phụ. Ở cấp độ ngữ, các từ khoá là danh ngữ là thường là đơn vị được mở rộng nhiều nhất do danh ngữ trong tiếng Anh chấp nhận từ thực thuộc hệ thống mở (open system) cả ở vị trí bổ nghĩa trước và sau. Ngoài ra, thành phần đồng vị, trạng ngữ dưới dạng trạng từ nguyên gốc hay giới ngữ đều có khả năng mở rộng nghĩa cho danh ngữ hay động ngữ.

Theo Finegan (2008), mô hình mở rộng danh ngữ tối đa là: ‘NP → Det A N PP’, trong

đó ở các vị trí ‘A’ (tính ngữ) và ‘PP’ (giới ngữ) đều có thể bao chứa trong nó một danh ngữ khác. (tr. 147)

3. Các phương thức duy trì và phát triển chủ đề của tiêu đề ở lời dẫn phổ biến nhất trong báo tiếng Anh

Theo tâm lý tiếp nhận thông tin, sau khi đọc TĐ người đọc sẽ bắt đầu với tình huống (situation). Nhưng vì thông tin được nén (condensed) thông qua việc giản lược từ nhằm đáp ứng yêu cầu về số lượng giới hạn từ ở TĐ, người đọc đương nhiên sẽ đặt ra một loạt câu hỏi – theo công thức 5W&1H – liên quan đến vấn đề (problem) được nảy sinh ra trong tình huống đó.

Để hoàn thành chức năng bổ sung thông tin chi tiết cho TĐ của mình, LD trong các báo tiếng Anh sử dụng cả các phương thức cú pháp và ngữ nghĩa.

Về phương diện cú pháp, lời dẫn chính là TĐ ở dạng câu hạt nhân được mở rộng nghĩa nhờ các cú phụ, cấu trúc tách biệt và các thành tố của câu - chủ yếu là dạng danh ngữ - cũng được mở rộng bằng các loại bổ nghĩa (modifier) và thành phần đồng vị.

Về mặt ngữ nghĩa, LD là sự tiếp nối của TĐ thông qua các dạng liên kết từ vựng.

Về phương diện liên kết chủ đề, chủ đề của TĐ vừa được duy trì thông qua các phương thức lặp từ vựng và thể đồng nghĩa, vừa được phát triển thông qua các phương thức trái nghĩa (antonym), từ quan hệ bộ phận – toàn bộ/ bao hàm (meronym), hay quan hệ thượng hạ danh/ đồng loại (hyponym), kết hợp từ, thành phần đồng vị, trạng ngữ, cấu trúc tách biệt, cú phụ, bổ nghĩa cho danh ngữ. Do yêu cầu về sự chính xác của thông tin, do khoảng cách không gian từ TĐ đến LD có thể tương đối lớn (trường hợp có ảnh minh hoạ xen giữa) và nhu cầu phát triển chủ đề với số lượng từ ở LD thường bằng hoặc lớn hơn ở TĐ, các phương thức như thế đại từ, tinh lược yếu và tinh lược mạnh không phù hợp với mục đích tạo liên kết chủ đề ở dạng này.

Sự chênh lệch giữa số lượng từ của TĐ và LD cho thấy mức độ mở rộng nghĩa nhằm phát triển chủ đề của TĐ ở LD.

Bảng 3. Độ dài của tiêu đề và lời dẫn trong các bài báo khảo sát (số lượng từ)

Độ dài trung bình	BBC	The Guardian	Reuters
Tiêu đề	8	11	9
Lời dẫn	26	21	47

Số liệu trong bảng cho thấy tỉ lệ giữa số lượng từ của TĐ và LD (TĐ sau khi được mở rộng do bổ sung thêm thông tin). Điều này phản ánh số lượng chi tiết được sử dụng để cung cấp thêm thông tin cần thiết nhằm phát triển chủ đề được nêu ra ở TĐ có thể lớn hơn nhiều lần so với câu hạt nhân.

Do độ dài của LD trong các bài báo điện tử không bị giới hạn quá chặt chẽ như báo in, hầu như không có quy tắc chung cho TĐ và LD của báo điện tử. Tuy nhiên có thể nhận thấy, số lượng từ ở TĐ và LD của 3 nguồn về cơ bản vẫn tuân theo nguyên tắc chung của báo in, ngoại trừ LD của Reuters là thường vượt quá con số truyền thống.

Số liệu ở bảng 1 cho thấy, mức độ phát triển chủ đề thông qua số từ được bổ sung cho LD của 3 báo theo thứ tự tăng dần là The Guardian, BBC và Reuters, với tỉ lệ 2, 3 và 5 lần. Điều đáng nói là cả TĐ ngắn nhất (3 – 50 từ) và LD dài nhất (8 – 103 từ) đều từ nguồn Reuters. Ví dụ (Vd.)

(Vd.1) Europe’s Brexit envy

Britain’s intention to leave the European Union - Brexit - will greatly affect the rest of the world. It’s not confined to the effect it will have on the British economy, even if that is likely to be major, nor on the adjustments the remaining 27 EU states must make. (gấp 16 lần) (R, 15/7/2017)

Sự khác biệt lớn về số lượng từ của lời dẫn so với tiêu đề cho thấy khả năng mở rộng nghĩa và phát triển chủ đề của lời dẫn.

3.1. Các phương thức nhằm duy trì chủ đề giữa tiêu đề và lời dẫn

Do lời dẫn là sự mở rộng của câu hạt nhân làm TĐ, vì vậy bước đầu tiên khi viết lời dẫn là xác định vị trí của TĐ trong LD, nói cụ thể hơn là biến TĐ thành khung (frame) để từ đó móc thêm (hook) các chi tiết, dữ liệu bổ sung (supporting details) giúp duy trì chủ đề đang đề cập. Phương thức đơn giản và an toàn nhất để duy trì chủ đề là chuyển toàn bộ TĐ xuống LD bằng cách lặp y nguyên. Tuy nhiên, cách này sẽ gây nhàm chán, kém hiệu quả và khó thực hiện được chức năng lôi cuốn độc giả.

3.1.1. Phép lặp từ vựng

3.1.1.1. Lặp y nguyên (repetition of the identical word)

Để tạo nên khung của LD dẫn với các từ khoá được chuyển từ TĐ xuống, phép lặp là lựa chọn đầu tiên do tạo nên liên kết chính xác và rõ ràng nhất. Bất kì LD nào cũng có ít nhất 1 từ hoặc ngữ được lặp lại ý nguyên của TĐ. Tuy nhiên, do sự khác biệt về các quy luật – nhất là giản lược – được áp dụng ở hai phần khác nhau của văn bản báo, việc lặp lại y nguyên cả cấu trúc và từ vựng rất hiếm, chủ yếu là lặp kết hợp với các phương thức khác.

(Vd.2) Japan’s economy grows at fastest pace for more than two years.

Japan’s economy grew at its fastest pace for more than two years in the second quarter as consumer spending and capital expenditure ramped up. (BBC. 14.8.2017) (Nền kinh tế Nhật Bản phát triển với tốc độ nhanh nhất trong vòng 2 năm trong quý II, nhờ chi tiêu tiêu dùng và chi tiêu vốn gia tăng.)

(Vd.3) Vietnam’s president calls for tougher internet controls.

Vietnam’s president called on Sunday for tougher controls on the internet in the face of dissidents who are using it to criticize the ruling Communist Party, and to combat threats to cybersecurity. (R, 20.8.2017)

(Hôm Chủ nhật, Chủ tịch nước Việt Nam

đã kêu gọi xiết chặt hơn việc kiểm soát thông tin trên mạng Internet nhằm đối phó với những người bất đồng chính kiến sử dụng mạng để chống phá Đảng và ngăn chặn nguy cơ liên quan đến an ninh mạng.)

Trong các ví dụ trên đây, TĐ được lặp toàn bộ trong LD, sau đó mới kết hợp với các thành phần mở rộng cung cấp thêm thông tin bổ sung. Tuy nhiên, vẫn xuất hiện các từ không thuộc TĐ được chèn vào giữa phần được lặp.

Do nhu cầu mở rộng câu ở tất cả các thành tố của cú chính, nhất là các thành tố có danh ngữ, các từ, ngữ của TĐ vẫn có thể được lặp lại y nguyên, nhưng bị chia tách bởi các từ, ngữ bổ sung thông tin. Đây là hiện tượng lặp phổ biến nhất.

(Vd.4) *Over 300 migrants rescued off Spanish coast*

Over 300 migrants were rescued in seven dinghies off Spain's southern coast after attempting to cross the sea from Morocco, the Spanish maritime rescue service said on Wednesday. (R, 16.8.2017)

(Hơn 300 người nhập cư được cứu sống trên bảy chiếc phao cứu sinh ngoài khơi phía Nam Tây Ban Nha khi ...)

Tuy nhiên, việc lặp y nguyên có thể gây cảm giác nhàm chán, nên thông thường kết hợp với ít nhất một từ khoá được lặp nguyên ý nhưng với cấu trúc khác và đương nhiên có sự xác định quy chiếu rõ ràng do có cùng quy chiếu. Các cấu trúc hoán đổi phổ biến nhất là:

1) Chủ động – bị động:

(Vd.5) *Indian drought 'affecting 330 million people' after two weak monsoons*

About 330 million people are affected by drought in India, the government ... (BBC, 20.4.2016)

drought 'affecting 330 million people' \approx 330 million people are affected by drought (300 triệu người bị ảnh hưởng của đợt hạn hán)

2) Lặp kết hợp với chủ ngữ đồng nghĩa.

(Vd.6) *Daytime cooking ban in India as heatwave claims 300 lives*

With sizzling temperatures claiming more

than 300 lives this month in India, ... (G, 20.4.2016)

(heatwave) claims 300 lives \approx (sizzling temperatures) claiming ... 300 lives (đợt nắng nóng chảy mỡ/ nhiệt độ cao khủng khiếp đã cướp đi 300 sinh mạng)

3) Lặp kết hợp thay đổi vai trò trong danh ngữ (bỏ nghĩa trước và bỏ nghĩa sau)

(Vd.7) *Birmingham seven-week bin strike comes to an end*

A bin strike that has caused anger and dismay for almost two months in Birmingham has been suspended. (G, 16.8.2017)

Birmingham seven-week bin strike \approx bin strike ... for almost two months in Birmingham

(khủng hoảng rác kéo dài 7 tuần/ gần 2 tháng tại Birmingham)

4) Lặp kết hợp thay đổi trật tự từ trong câu của các thành tố:

(Vd.8) *MH370: satellite images show 'probably man-made' objects floating in sea*

Australia has released satellite images it says show 12 "probably man-made" objects floating in the sea near the suspected crash site of Malaysia Airlines flight MH370. (G, 16.8.2017)

(Úc đã công bố các bức ảnh chụp từ vệ tinh cho thấy 12 vật thể có thể do con người tạo nên nổi trên biển gần chỗ nghi là nơi máy bay MH370 của Malaysia rơi)

Trong TĐ các từ khóa biểu thị chủ đề, nhất là các đề tài được quan tâm trong một thời gian dài, thường được đưa lên đầu câu, nhưng trong LD vị trí của từ khoá đó tùy thuộc vào vai trò của nó trong câu mới.

5) Lặp nghĩa của từ ghép (compound) hay một chuỗi danh từ (string of nouns)

Lặp nghĩa phổ biến nhất thường xảy ra khi một từ ghép hay một chuỗi danh từ được thay bằng cụm từ tự do tương ứng (relevant free phrase) trong lời dẫn. Phương thức này giúp giải thích nghĩa của các từ ghép được sử dụng trong TĐ với mục đích tiết kiệm không gian và hầu như

chỉ chấp nhận trong thể loại văn bản này. Các từ ghép hoặc chuỗi danh từ thường được lập nghĩa và thay bằng cụm từ tự do phổ biến nhất gồm:

a. Chỉ địa điểm:

(Vd.9) ***Philippine police kill 32 in bloodiest night of Duterte's war on drugs***

Police in the Philippines have killed 32 people in a series of raids near Manila, in the bloodiest night yet of President Rodrigo Duterte's war on drugs. (G, 16.8.2017)

Philippine police ⇔ Police in the Philippines (cảnh sát Philippine)

UK drivers ⇔ drivers in the UK (BBC.14.8.2017) (lái xe ở Anh)

internet controls ⇔ controls on the internet (R, 20.8.2017) (kiểm soát mạng internet)

b. Chỉ mục đích:

(Vd.10) ***UK government rejects EU claim that its Brexit customs plan is 'fantasy'***

The UK government has dismissed claims that its plans for a new customs relationship with the EU are a "fantasy" as ... (G, 16.8.2017)

its Brexit customs plan ⇔ plans for a new customs relationship with the EU

(dự án về hải quan sau Brexit ⇔ kế hoạch thiết lập mối quan hệ mới với Liên minh Châu Âu về hải quan)

c. Chỉ sở hữu

(Vd.11) ***U.S. housing starts fall as multi-family construction slumps***

U.S. homebuilding unexpectedly fell in July as the construction of multi-family houses tumbled to a 10-month low, ... (R, 16.8.2017)

multi-family construction (slumps) ⇔ construction of multi-family (houses)

(việc xây dựng những khu ổ chuột nhiều gia đình ⇔ việc xây nhà cho nhiều gia đình)

d. Chỉ phương thức:

(Vd.12) ***Uber allows in-app tips for UK drivers***
Ride-sharing company Uber is to allow its drivers in the UK to receive tips from passengers via its app. (BBC.14.8.2017)

in-app tips ⇔ tips from passengers via its app (tiền thưởng từ hành khách trả qua ứng dụng)

e. Hoán đổi danh ngữ - động ngữ (NP – V-O)

(Vd.13) ***Daytime cooking ban in India as heatwave claims 300 lives***

With sizzling temperatures claiming more than 300 lives this month in India, officials have banned daytime cooking in some parts of ... (G, 30.4.2016)

daytime cooking ban ⇔ banned daytime cooking (cấm nấu ăn vào ban ngày)

6) Họ - tên đầy đủ

(Vd.14) ***Philippine police kill 32 in bloodiest night of Duterte's war on drugs***

Police ..., in the bloodiest night yet of President Rodrigo Duterte's war on drugs. (G, 16.8.2017)

Duterte ≈ Rodrigo Duterte (ông Duterte/ ông Rodrigo Duterte)

3.1.1.2. Đồng nghĩa hoặc gần nghĩa (synonym/ near synonym)

Sử dụng từ gần nghĩa (near synonym) hay thể đồng nghĩa đồng quy chiếu ở TĐ và LD là trường hợp phổ biến nhất vì vừa giúp duy trì câu hạt nhân, vừa tránh lặp lại gây nhàm chán. Phần lớn các cặp gần nghĩa được sử dụng duy trì chủ đề của TĐ ở LD có thể được coi là đồng nghĩa ngữ cảnh (contextual synonym). Do chỉ duy trì sự tương đương về nghĩa nên các trường hợp đồng nghĩa ngữ cảnh với sự khác biệt về từ loại và cấu trúc dưới đây được sử dụng để duy trì chủ đề:

1) Động từ đơn - động từ đơn

(Vd.15) ***Indians demand government action after temperatures hit 51C***

Residents of a city in the north-west of India have called for government action as temperatures reached 51C (123.8F), ... (G, 20.5.2016)

(temperatures) hit ≈ reached (nhiệt độ lên tới ≈ đạt ngưỡng)

(Vd.16) ***UK government rejects EU claim that its Brexit customs plan is 'fantasy'***

The UK government has dismissed claims that its plans for ... (G, 16.8.2016)

rejects ≈ dismissed (claims) (bác bỏ ≈ không chấp thuận yêu sách)

(Vd.17) **North Korea crisis: South's leader in plea to avoid war**

South Korean President Moon Jae-in has called on his US ally to help **prevent** a war, amid ... (BBC 15.8.2017)

avoid ≈ prevent (war) (tránh được cuộc chiến tranh ≈ ngăn cản chiến tranh xảy ra)

2) Động từ đơn - động từ cụm

(Vd.18) **Brexit: UK suggests 'temporary customs union' with EU**

The UK has **set out** the "ambitious new customs arrangement" it wants ... (BBC 14.8.2017)

suggest ≈ set out (đề nghị ≈ nêu ra)

(Vd.19) **Indians demand government action after temperatures hit 51C**

Residents of a city in the north-west of India have **called for** government action as temperatures reached 51C (123.8F), ... (G, 20.5.2016)

demand ≈ called for (government action) (đòi hỏi ≈ kêu gọi (phản ứng của chính phủ))

(Vd.20) **Sierra Leone: fears of second mudslide as week of national mourning begins**

A week of national mourning will be held in Sierra Leone as (G, 16.8.2017)

(national mourning) begins ≈ will be held (bắt đầu ≈ sẽ được tổ chức)

3) Động từ - động ngữ

(Vd.21) **The EU supports poorer regions. Will the Tories abandon them after Brexit?**

With UK **funding** ever more **weighted towards** the south-east, poorer regions face uncertainty ... (G, 31.7.2017)

Supports ≈ funding ... weighted towards (ủng hộ - tăng tài trợ cho ...)

(Vd.22) **Birmingham seven-week bin strike comes to an end**

A bin strike that has caused anger and dismay for almost two months in Birmingham has **been suspended**. (G, 16.8.2017)

comes to an end ≈ been suspended (đến hồi kết ≈ bị đình chỉ)

(Vd.23) **Charlie Hebdo: Gun attack on French magazine kills 12**

Gunmen have **shot dead** 12 people at the Paris office of French satirical magazine Charlie Hebdo ... (BBC.7.1.2015)

kills ≈ shot dead (giết ≈ bắn chết)

4) Động từ cụm - động ngữ

(Vd.24) **UK pay growth picks up as unemployment rate falls again**

UK pay growth **has started to edge up** amid signs that ... (G, 16.8.2017)

(pay growth) picks up ≈ started to edge up (mức chi tiêu tăng tốc ≈ vọt lên)

5) Động ngữ - danh ngữ

(Vd.25) **The fightback against London's power starts here**

... A high-profile local figurehead will help them **take back** control. (G, 2.5.2017)

fightback ≈ take back (giành lại - chiếm lại)

(Vd.26) **India records its hottest day ever as temperature hits 51C (that's 123.8F)**

A city in northern India has shattered the **national heat record**, registering ... (G, 20.5.2016)

India records (hottest day) ≈ nationwide (heat) record (Ấn Độ ghi nhận kỉ lục ≈ kỉ lục quốc gia)

(Vd.27) **Sierra Leone: fears of second mudslide as week of national mourning begins**

A week of national mourning ... struggle to recover hundreds of people who remain buried **following a mudslide on Monday morning**. (G, 16.8.2017)

second mudslide ≈ following a mudslide on Monday morning (vụ lở đất thứ hai ≈ tiếp theo vụ lở đất vào sáng thứ Hai)

(Vd.28) **Men wielding hammers raid London jeweller**

A gang of moped riders have **raided** a luxury jeweller in west London in a **smash and grab robbery**, police said. (G, 16.8.2017)

wielding hammers raid ≈ raided ... smash and grab robbery (dùng búa đập phá ≈ vụ cướp đập phá cửa hàng và lấy đi ...)

6) Danh từ tên riêng - tình huống

(Vd.29) **Daytime cooking ban in India as heatwave claims 300 lives**

... *daytime cooking in some parts of the drought-stricken country in a bid to ...* (G, 30.4.2016)

India ≈ drought-stricken country (Ấn Độ ≈ đất nước bị hạn hán hoành hành)

7) Danh từ - danh ngữ

(Vd.30) *Daytime cooking ban in India as heatwave claims 300 lives*

With sizzling temperatures claiming more than 300 lives this month in India, ... (G, 30.4.2017)

Heatwave ≈ sizzling temperatures (đợt nắng nóng ≈ nhiệt độ cao kinh khủng)

8) Danh ngữ biểu thị đơn vị đo khác nhau

(Vd.31) *Birmingham seven-week bin strike comes to an end*

A bin strike that has caused anger and dismay for almost two months in Birmingham ... (G, 16.8.2017)

seven-week ≈ almost two months (7 tuần ≈ gần 2 tháng)

9) Liên từ – liên từ

(Vd.32) *Oil dips despite steep draw in U.S. crude stocks*

Oil prices fell on Wednesday even though U.S. crude stockpiles declined... (R, 16.8.2017)

Despite ≈ even though (bất chấp ≈ mặc dù)

10) Danh ngữ với tính từ so sánh tuyệt đối – tính ngữ so sánh tuyệt đối

(Vd.33) *India records its hottest day ever as temperature hits 51C (that's 123.8F)*

A city in northern India has shattered the national heat record, registering a searing 51C – the highest since records began - amid a nationwide heatwave. (G, 20.5.2017)

hottest day ever ≈ highest since records began (ngày nóng chưa từng thấy ≈ cao nhất từ khi có tài liệu ghi chép)

11) Tính ngữ - giới ngữ

(Vd.34) *U.S. warship Indianapolis found 18,000 feet deep in Pacific Ocean*

Researchers ..., more than 18,000 feet (5.5 kilometers) below the surface of the Pacific Ocean, the Navy said on Saturday. (R, 20.8.2017)

deep in Ocean ≈ below the surface of the Ocean (sâu dưới đáy Đại Dương ≈ dưới mặt nước Đại Dương)

12) Giới ngữ - động từ

(Vd.35) *North Korea crisis: South's leader in plea to avoid war*

South Korean President Moon Jae-in has called on his US ally to help ... (BBC 15.8.2017)

in plea ≈ called on (khẩn cầu ≈ kêu gọi)

13) Cú - danh ngữ

(Vd.36) *UK pay growth picks up as unemployment rate falls again*

UK pay growth has started to edge up amid signs that the lowest level of unemployment since ... (G, 16.8.2017)

unemployment rate falls ≈ the lowest level of unemployment (tỉ lệ thất nghiệp giảm ≈ mức thấp nhất của tình trạng thất nghiệp)

14) Cú – giới ngữ

(Vd.37) *Egg contamination scandal widens as 15 EU states, Switzerland and Hong Kong affected*

Europe's latest food scandal has widened after the European commission announced that a total of 15 EU states, plus Switzerland and Hong Kong, are now known to... (G, 11.8.2017)

Switzerland and Hong Kong affected ≈ plus Switzerland and Hong Kong (Thụy Sĩ và Hồng Kông bị ảnh hưởng ≈ cộng thêm cả Thụy Sĩ và Hồng Kông)

15) Cú – cú

(Vd.38) *Oil dips despite steep draw in U.S. crude stocks*

Oil prices fell on Wednesday even though U.S. crude stockpiles declined, ... (R, 16.8.2017)

oil dips ≈ oil prices fell (dầu xuống giá ≈ giá dầu giảm)

(Vd.39) *Hot weather kills 80 in south India*

At least 80 people have died of heatstroke in the south Indian states ... (BBC.8.4.2016)

Hot weather kills ≈ died of heatstroke (thời tiết nóng bức giết chết ≈ chết vì sốc nhiệt)

16) Câu hỏi – câu kể

(Vd.40) *The EU supports poorer regions. Will the Tories abandon them after Brexit?*

With UK ..., poorer regions face uncertainty when Britain leaves the EU. (G, 31.7.2017)

Will ... (abandon)? ≈ face uncertainty (Liệu có ...? ≈ đối mặt với điều không chắc chắn)

3.2. Các phương thức nhằm phát triển chủ đề giữa tiêu đề và lời dẫn

Việc duy trì chủ đề đương nhiên là cần thiết, nhưng những chi tiết thông tin không mới dù có được nhắc lại dưới hình thức khác cũng không đủ giữ được người đọc, mà phải được mở rộng, bổ sung và phát triển đủ để khiến người đọc quan tâm và hứng thú. Với những lý do trên đây, việc phát triển chủ đề hay mở rộng nghĩa cho câu hạt nhân được thực hiện cả bằng phương thức từ vựng cũng như cú pháp.

3.2.1. Các phương thức liên kết từ vựng

Các phương thức từ vựng được sử dụng để phát triển chủ đề giữa TĐ và LD gồm từ quan hệ bộ phận – toàn bộ/ bao hàm (meronym), trái/ đối nghĩa (antonym), hay quan hệ thượng hạ danh/ đồng loại (hyponym), kết hợp từ (collocation).

3.2.1.1. Trái nghĩa (antonym)

Các cặp từ trái nghĩa không xuất hiện nhiều với vai trò phát triển chủ đề của TĐ. Nếu coi từ trái nghĩa là một dạng đồng nghĩa không cùng quy chiếu, thì phương thức này ở mức độ nào đó vẫn có thể được sử dụng để duy trì chủ đề. Trên thực tế, việc sử dụng các từ, ngữ trái nghĩa ở các câu, đoạn khác nhau thường dễ khiến người đọc vất vả hơn khi suy luận, do đó dễ dẫn tới nhầm lẫn.

Các trường hợp liên kết bởi các tập hợp từ trái nghĩa chủ yếu là trái nghĩa trong ngữ cảnh cụ thể

(Vd.41) *The EU supports poorer regions. Will the Tories abandon them after Brexit?*

With UK funding ever more weighted towards the south-east, poorer regions face uncertainty when Britain leaves the EU. (G, 31.7.2017)

EU supports poorer regions >< UK funding weighted towards the south-east (Cộng đồng Châu Âu ủng hộ các vùng nghèo hơn >< Nước Anh thiên về việc tài trợ cho khu vực Đông Nam (giàu))

(Vd.42) *India's drought migrants head to cities in desperate search for water*

... The brother and sister ... – they came here, to Mumbai, India's financial capital, 10 days ago from their village, Andhra, and ... (G, 27.4.2016)

head to cities >< came here ... from ... village (hướng về thành phố >< từ làng quê đến đây)

3.2.1.2. Từ chỉ quan hệ bộ phận – toàn bộ (meronym)

Tuy không nhiều như việc sử dụng từ đồng nghĩa, các cặp từ có mối quan hệ bộ phận – toàn bộ (bao chứa) cũng khá hiệu quả cả trong duy trì và phát triển chủ đề của TĐ. Mối quan hệ giữa các cặp từ này thường là:

1) Tên đất nước - tên thành phố/ tỉnh

(Vd.43) *Is India facing its worst-ever water crisis?*

On 11 March, panic struck engineers at a giant power station on the banks of the Ganges river in West Bengal state. (bbc.27.3.2016)

Các chi tiết thường theo mức độ tăng dần (climax)

power station < banks of the Ganges river < West Bengal state < India (nhà máy điện < bờ sông Ganges < bang Bắc Bengal < Ấn Độ)

(Vd.44) *India's drought migrants head to cities in desperate search for water*

No one in the slum of Murtinagar wants to play with Temri and Chinna. The brother and sister ... – they came here, to Mumbai, India's financial capital, 10 days ago ... (G, 27.4.2016)

India - slum of Murtinagar, Mumbai (Ấn Độ > nhà ổ chuột ở khu Murtinagar, thành phố Mumbai)

(Vd.45) *Daytime cooking ban in India as heatwave claims 300 lives*

..., officials have banned daytime cooking in some parts of the drought-stricken country in a bid to prevent ... (G, 30.8.2016)

India ▶ parts of the drought-stricken country (Ấn Độ - những vùng của đất nước bị hạn hán hoành hành)

2) Tên thành phố - tên địa điểm cụ thể
(Vd.46) **Searching for water in drought-hit Latur**
It is 42C in the shade, ... Anjali Patole from queuing up every day near a water tank on a baking pavement in the city of Latur in the western state of Maharashtra. (BBC, 26.4.2016)

water tank ◀ baking pavement ◀(city of) **Latur** ◀ western state of Maharashtra (bể chứa nước ◀ vỉa hè bị thiêu đốt ◀ thành phố Latur ◀ Bang Maharashtra ở phía Tây đất nước)

(Vd.47) **Homeless ‘hero’ in court over Manchester bomb victim thefts**
A homeless man hailed as a “hero” for helping victims of the Manchester Arena attack has appeared in court (G, 16.8.2017)

Manchester bomb ▶ Manchester Arena attack (vụ đánh bom ở Manchester ▶ vụ tấn công ở sân vận động Arena, Manchester)

3) Ngành/ lĩnh vực - địa điểm cụ thể
(Vd.48) **Drunk air passenger arrests up 50%**
Arrests of passengers suspected of being drunk at UK airports and on flights have risen ... (BBC, 14.8.2017)

air passenger ▶ passengers ... at UK airports and on flights (hành khách đi máy bay ▶ hành khách ở các sân bay và trên các chuyến bay của Anh)

4) Tính chất/ đặc điểm - mức độ/ trạng thái
(Vd.49) **Drunk air passenger arrests up 50%**
Arrests of passengers suspected of being drunk at UK airports and on flights ... (BBC, 14.8.2017)

Drunk passenger ▶ passengers suspected of being drunk (hành khách say rượu ▶ hành khách bị nghi ngờ say rượu)

5) Sự kiện/ mốc thời gian - thời gian áp dụng/ có hiệu lực
(Vd.50) **Brexit: UK suggests ‘temporary customs union’ with EU**

The UK has set out the “ambitious new customs arrangement” it wants to secure with the EU after Brexit. (BBC, 16.8.2017)

Brexit - after Brexit (Brexit▶hậuBrexit)

6) Khái niệm – hành động cụ thể
(Vd.51) **U.S. housing starts fall as multi-family construction slumps**
U.S. homebuilding unexpectedly fell in July as the construction of ... (R, 16.8.2017)

Housing – homebuilding (cung cấp chỗ ở ▶ xây nhà ở)

(Vd.52) **North Korea crisis: South’s leader in plea to avoid war**
South Korean President ..., amid worsening tension over the North’s nuclear threat. (BBC, 14.8.2017)

North Korea crisis - North’s nuclear threat (khủng hoảng Bắc Triều Tiên ▶ mối đe dọa hạt nhân từ phía Bắc Triều Tiên)

(Vd.53) **Egg contamination scandal widens as 15 EU states, Switzerland and Hong Kong affected**
Europe’s latest food scandal ..., are now known to have received egg products contaminated by an insecticide harmful to human health. (G, 11.8.2017)

Egg contamination scandal - egg products contaminated by an insecticide harmful to human health

(bê bối trứng bẩn ▶ các sản phẩm làm từ trứng bị nhiễm thuốc trừ sâu có hại cho sức khoẻ con người)

7) Tên nước – đảng cầm quyền
(Vd.54) **The EU supports poorer regions. Will the Tories abandon them after Brexit?**
With UK funding ever more weighted towards the south-east, (G, 31.7.2017)

UK – Tories (Vương quốc Anh ▶ Đảng Bảo thủ)

8) Tên tổ chức – người đại diện cho tổ chức
(Vd.55) **Labour softens stance on staying in single market after Brexit**
Two senior Labour figures, Keir Starmer and John McDonnell, have indicated ... (G, 27.7.2017)

Labour - Two senior Labour figures, Keir Starmer and John McDonnell

(Đảng Lao động ▶ hai quan chức của Đảng Lao động, Keir Starmer và John McDonnell)

9) Người dân nói chung - người dân ở khu vực cụ thể

(Vd.56) **Indians demand government action after temperatures hit 51C**

Residents of a city in the north-west of India have called for government action ... (G, 20.5.2016)

Indians – Residents of a city in the north-west of India (người dân Ấn Độ ► người dân ở một thành phố phía Tây Bắc Ấn Độ)

10) Vật thể - phần của vật thể

(Vd.57) **U.S. warship Indianapolis found 18,000 feet deep in Pacific Ocean**

Researchers have found the wreckage of the U.S. warship Indianapolis, which was ... (R, 20.8.2017)

warship - the wreckage of ... warship (tàu chiến ► mảnh vỡ của tàu chiến)

3.2.1.3. Từ bao quát (superordinate)

Tương tự như trái nghĩa, các từ bao quát hay đồng loại, quan hệ thượng hạ danh (superordinate – hyponym) không xuất hiện nhiều do hiệu quả không cao trong liên kết dạng này. Các từ này có thể được sử dụng ở TĐ và được làm rõ nghĩa bằng từ hạ vị trong LD hoặc ngược lại. Tuy nhiên, các từ bao quát (thượng danh) ít khả năng thể hiện nghĩa biểu cảm và không thích hợp cho việc tạo phát triển chủ đề.

(Vd.58) **Men wielding hammers raid London jeweller**

A gang of moped riders have raided a luxury jeweller in west London in (G, 16.8.2017)

Men - gang of moped riders (đàn ông – một nhóm lái xe mô tô)

(Vd.59) **India's drought migrants head to cities in desperate search for water**

... Jaya Kummari, their mother, brought Chinna and Temri to Mumbai because of ... (G, 27.4.2016)

cities – Mumbai (thành phố - Mumbai)

(Vd.60) **North Korea crisis: South's leader in plea to avoid war**

South Korean President Moon Jae-in has called on ... (bbc, 14.8.2017)

Leader – president (nhà lãnh đạo – tổng thống)

(Vd.61) **Labour softens stance on staying in single market after Brexit**

Two senior Labour figures, ... that appear to soften the party's stance on Brexit. (G, 27.7.2017)

Labour – party (Đảng Lao động – đảng chính trị)

(Vd.62) **Egg contamination scandal widens as 15 EU states, Switzerland and Hong Kong affected**

Europe's latest food scandal has widened ..., are now known to have ... (G, 11.8.2017)

Egg contamination scandal – food scandal (bê bối trứng bần - bê bối thực phẩm)

3.2.1.4. Sự kết hợp từ (collocation)

Theo như đã trình bày ở phần 2.1.1, LD bao gồm các thông tin trả lời các câu hỏi 5W&1H. Các câu hỏi này đều xuất phát từ động từ chính của TĐ, chủ yếu là các kết hợp của động từ chính với các từ khóa khác. Ở góc độ cú pháp, có thể coi đây là phương thức mở rộng nghĩa cho câu hạt nhân thông qua mở rộng nghĩa cho động ngữ.

Việc phát triển chủ đề thông qua các kết hợp từ xuất hiện ở tất cả các LD do bất kì chi tiết nào được chọn lọc để đưa vào LD đều phải liên quan mật thiết đến chủ đề của bài báo, thuộc cùng trường nghĩa và được thể hiện cô đọng thông qua các từ khóa của câu hạt nhân làm TĐ. Sự kết hợp này cũng chính là cơ sở để mở rộng nghĩa cho TĐ.

(Vd.63) **U.S. warship Indianapolis found 18,000 feet deep in Pacific Ocean**

Researchers (1) have found the wreckage (2) of the U.S. warship Indianapolis, which was sunk by a Japanese torpedo in the final days of World War Two (3), more than 18,000 feet (5.5 kilometers) below the surface (4) of the Pacific Ocean, the Navy said on Saturday (5). (R, 20.8.2017)

(Tàu chiến Indianapolis của Mỹ được tìm thấy ở độ sâu 18,000 bộ dưới đáy Đại Tây Dương)

4 kết hợp từ xuất phát từ động từ 'found' (tìm thấy) với các câu hỏi theo công thức 5W&1H gồm:

(1) **Who found?** Researchers (các nhà nghiên cứu)

- (2) **What was found?** *the wreckage of the warship (mảnh vỡ của tàu)*
- (3) **Why was it found there?** *was sunk by a Japanese torpedo in the final days of World War Two (bị chìm do va phải ngư lôi của Nhật trong những ngày cuối của Thế chiến thứ 2)*
- (4) **Where was it found?** *more than 5.5 kilometers below the surface (hơn 5.5km dưới mặt nước)*
- (5) **Source?** *the Navy said on Saturday (nguồn tin: Hải quân thông báo hôm Chủ nhật)*

Chi tiết số (5) không phải là dạng kết hợp của động từ chính, nhưng là yêu cầu của báo chí về độ tin cậy của thông tin nên cũng thường xuyên xuất hiện trong LD và được coi là yếu tố không liên quan trực tiếp về nghĩa với động từ chính của câu hạt nhân, nhưng liên quan đến thành tố khác của câu hạt nhân (*warship - the Navy*) do đó cũng góp phần phát triển chủ đề.

3.2.2. Các phương thức cú pháp

Việc phát triển chủ đề hay mở rộng nghĩa cho câu hạt nhân được thực hiện không chỉ ở cấp độ cú thông qua việc sử dụng cú phụ, cấu trúc tách biệt hoặc cả một câu mang tính chất giải thích, mà mỗi thành tố của câu hạt nhân, đặc biệt là vị ngữ và danh ngữ, cũng có thể được bổ sung thông tin thông qua thành phần đồng vị, bổ nghĩa trước và sau, cũng như mệnh đề quan hệ.

3.2.2.1. Mở rộng nghĩa cho câu hạt nhân bằng các cú phụ

Các cú phụ có chức năng liên kết phát triển chủ đề thường là trạng ngữ của câu nhằm thể hiện sự tương phản, nguyên nhân, mục đích, v.v.

- 1) Cú phụ chỉ tương phản
(Vd.64) **U.S. housing starts fall as multi-family construction slumps**

U.S. homebuilding unexpectedly fell in July., but strong job growth is expected to continue to support the housing market recovery. (R, 16.8.2017)

(Việc cung cấp chỗ ở tại Mĩ bất ngờ giảm trong tháng Bảy ..., nhưng việc tăng mạnh số lượng việc làm được mong đợi

là sẽ tiếp tục tạo điều kiện cho thị trường nhà ở hồi phục)

- 2) Cú phụ chỉ nguyên nhân
(Vd.65) **Japan's economy grows at fastest pace for more than two years**

Japan's economy grew ... in the second quarter as consumer spending and capital expenditure ramped up. (BBC, 14.8.2017)

(Nền kinh tế Nhật Bản phát triển ... trong quý II, nhờ chi tiêu tiêu dùng và chi tiêu vốn gia tăng.)

- 3) Cú phụ chỉ nguồn thông tin
(Vd.66) **India drought: '330 million people affected'**

At least 330 million people are affected by drought in India, the government has told the Supreme Court. (BBC, 20.4.2016)

(Ít nhất 330 triệu người bị ảnh hưởng bởi hạn hán ở Ấn Độ, chính phủ đã thông báo cho Tòa án tối cao)

3.2.2.2. Cấu trúc tách biệt

Cấu trúc tách biệt tạo liên kết phát triển chủ đề do được sử dụng để giải thích hoặc bình luận về chi tiết được giới thiệu trước đó.

- (Vd.67) **India records its hottest day ever as temperature hits 51C (that's 123.8F)**

A city in northern India has shattered the national heat record, registering a searing 51C – the highest since records began – amid a nationwide heatwave. (G, 20.5.2017)

(Một thành phố ở bắc Ấn Độ đã phá kỉ lục quốc gia về độ nóng, đo được ở mức 51°C – cao nhất theo những tài liệu còn lưu giữ được - trong thời gian diễn ra nắng nóng kỷ lục trên phạm vi toàn quốc.)

3.2.2.3. Mở rộng nghĩa cho câu hạt nhân bằng câu đầy đủ

Chủ đề được phát triển nhờ các câu đầy đủ được sử dụng với mục đích mô tả, giới thiệu, liên hệ với thông tin của một sự kiện khác nhằm dẫn dắt người đọc tiếp nhận các chi tiết mới một cách tự nhiên. Cách thức này chủ yếu áp dụng với các bài đặc kí hoặc các bài báo viết theo các sự kiện diễn biến trong thời gian dài.

(Vd.68) *India's drought migrants head to cities in desperate search for water*
No one in the slum of Murtinagar wants to play with Temri and Chinna. The brother and sister don't speak the local Hindi or Marathi languages – they came here, to Mumbai, India's financial capital, 10 days ago from their village, Andhra, and grew up speaking the regional language of Telegu. Jaya Kummari, their mother, brought Chinna and Temri to Mumbai because of a drought that has left Andhra without water. (G, 27.4.2016)

3.2.2.4. Mở rộng nghĩa cho danh ngữ

Thường giữ các vai trò chủ ngữ, tân ngữ và thành phần của trạng ngữ trong câu hạt nhân làm TĐ, một danh ngữ có thể được mở rộng nghĩa không chỉ bởi thành phần đồng vị, mà còn cả hai vị trí: bổ nghĩa trước và sau. Các phương thức này cũng giúp tạo liên kết phát triển chủ đề.

1) Thành phần đồng vị (appositive)

Xuất hiện với tư cách là một danh từ hay danh ngữ khác bên cạnh danh từ của câu hạt nhân, thành phần đồng vị trong LD thường cung cấp thêm thông tin hay chi tiết về:

a. Địa điểm

(Vd.69) *Charlie Hebdo: Gun attack on French magazine kills 12*

Gunmen have shot dead 12 people at the Paris office of French satirical magazine Charlie Hebdo in ... (BBC, 7.1.2015)
 (Những tay súng đã bắn chết 12 người tại trụ sở tại Paris của tạp chí châm biếm Charlie Hebdo trong..)

b. Thể loại

(Vd.70) *MH370: satellite images show 'probably man-made' objects floating in sea*

Australia has released satellite images ... crash site of Malaysia Airlines flight MH370. (G, 16.8.2017) (*máy bay của hãng hàng không Malaysia mang số hiệu MH370*)

c. Chức vụ

(Vd.71) *Philippine police kill 32 in bloodiest night of Duterte's war on drugs*

..., in the bloodiest night yet of President Rodrigo Duterte's war on drugs. (G, 16.8.2017)

(..., trong đêm đẫm máu nhất của cuộc chiến chống ma túy do Tổng thống Rodrigo Duterte phát động)

d. Nghề nghiệp, tuổi tác

(Vd.72) *Kim Wall and Danish submarine:*

What we know and what we don't
Swedish journalist Kim Wall, 30, has been missing since Thursday night.

(BBC, 14.8.2017)

(*Phóng viên người Thụy Sĩ, Kim Wall, 30 tuổi, đã mất tích từ đêm thứ Năm*)

2) Bổ nghĩa trước và sau (tiền định tố/ hậu định tố, premodifier - postmodifier)

Cả vị trí bổ nghĩa trước và sau đều có thể xuất hiện các thực từ bổ sung chi tiết cho câu hạt nhân. Đặc biệt ở vị trí bổ nghĩa sau thường là các cú quan hệ có khả năng cung cấp thêm chi tiết dưới dạng một cú thậm chí còn dài hơn TĐ rất nhiều. Do độ dài của LD của các bài báo trên báo điện tử không bị giới hạn quá chặt chẽ, cú quan hệ rất phù hợp với mục đích này do vậy khả năng phát triển chủ đề của cú quan hệ là rất lớn.

(Vd.73) *NAFTA negotiators wrap up first round of talks*

Trade negotiators from the United States, Canada and Mexico on Sunday wrapped up the first round of talks to revamp the NAFTA trade pact, amid signs that an ambitious schedule to conclude negotiations by early 2018 could slip in the coming months. (R, 21.8.2017)

(*Các nhà đàm phán thương mại Mỹ, Canada và Mexico hôm Chủ nhật đã khép lại vòng đàm phán đầu tiên nhằm chỉnh sửa thỏa thuận thương mại NAFTA, trong bối cảnh có các dấu hiệu cho thấy rằng trong vài tháng tới, chương trình đầy tham vọng nhằm hoàn tất thương thảo vào đầu năm 2018 có thể sẽ không đạt được.*)

Which negotiators? ➔ Trade negotiators from the United States, Canada and Mexico
Which first round of talks ➔ first round of talks to revamp the NAFTA trade pact

(Vd.74) Voters sense betrayal in Britain’s Brexit heartlands

There is a whiff of betrayal in the air across Britain’s Brexit heartlands where many impatient voters fear Prime Minister Theresa May is going soft on implementing last year’s decision to leave the European Union. (22 từ) (R, 14.8.2017)

(Có “mùi phản bội ở đâu đây” trên khắp các vùng tập trung đông người ủng hộ Brexit, nơi nhiều cử tri hết kiên nhẫn lo ngại rằng Thủ tướng Theresa May đang mềm lòng trong việc thực hiện quyết định của năm ngoái, rời khỏi Liên minh châu Âu.)

Trong các ví dụ trên đây, các danh ngữ có thể được bổ sung thông tin nhờ bổ nghĩa sau có số lượng từ gấp đến 7 lần so với danh ngữ được bổ nghĩa.

Trên thực tế, một loạt các phương thức duy trì và liên kết phát triển chủ đề có thể đồng loạt xuất hiện trong một LD.

(Vd.75) Over 300 migrants rescued off Spanish coast (7 từ)

Over 300 migrants were (1) rescued in seven dinghies (2) off Spain’s southern (3) coast after attempting to cross the sea from Morocco (4), the Spanish maritime rescue service said on Wednesday (5). (28 từ) (R, 16.8.2017)

Trong LD trên đây, ngoài các từ được lặp y nguyên và lặp ý với dạng thức từ loại khác, với số lượng từ của LD gấp 4 lần TĐ, một loạt thông tin bổ sung được cung cấp:

- (1) *were*: trợ động từ trong cấu trúc bị động bị giảm lược ở TĐ
- (2) *in seven dinghies*: giới ngữ, bổ nghĩa cho động từ, trả lời câu hỏi *where*
- (3) *southern*: tính từ, bổ nghĩa trước cho danh từ
- (4) *after attempting to cross the sea from Morocco*: trạng ngữ bổ nghĩa cho cú chính
- (5) *the Spanish maritime rescue service said on Wednesday*: nguồn thông tin

Nhận xét chung:

Qua kết quả khảo sát trên đây có thể đưa ra những nhận xét sau:

- Mỗi quan hệ giữa TĐ và LD trong các bài báo khảo sát được xác lập dựa trên 2 nguyên tắc: chủ đề của TĐ được duy trì và phát triển trong LD thông qua các liên

kết từ vựng và mở rộng nghĩa cho câu hạt nhân.

- Dạng liên kết duy trì chủ đề lặp nghĩa biến đổi dạng thức và đồng nghĩa gần (đồng nghĩa ngữ cảnh hay thể đồng nghĩa) là hai phương thức phổ biến nhất trong LD.

Các dạng liên kết phát triển chủ đề của TĐ hiệu quả nhất gồm quan hệ toàn bộ - bộ phận, kết hợp từ, cú phụ và bổ nghĩa cho danh ngữ. Phương thức sử dụng từ trái nghĩa được sử dụng ít nhất.

Bảng dưới đây cho thấy vai trò của các phương thức sử dụng tạo mối liên hệ rõ ràng, đặc trưng, đáp ứng được các yêu cầu cung cấp thông tin và thu hút độc giả giữa TĐ và LD dựa trên quan điểm về cả chức năng của báo chí và ngôn ngữ.

Bảng 4. Vai trò của các phương thức liên kết chủ đề giữa tiêu đề và lời dẫn

Phương thức liên kết chủ đề	Chức năng			
	Cung cấp thông tin		Thu hút độc giả	
	Duy trì chủ đề	Phát triển chủ đề	Duy trì chủ đề	Phát triển chủ đề
Lặp y nguyên	✓		✓	
Đồng nghĩa/gần nghĩa	✓		✓	
Từ quan hệ bộ phận – toàn bộ	✓	✓	✓	✓
Quan hệ thượng hạ danh	✓	✓	✓	✓
Kết hợp từ		✓		✓
Cú phụ		✓		✓
Cấu trúc tách biệt		✓		✓
Thành phần đồng vị		✓		✓
Bổ nghĩa cho động từ		✓		✓
Bổ ngữ trước và sau của danh ngữ		✓		✓

4. Kết luận

Đảm nhiệm vai trò mang tính quyết định đến sự tồn tại của một bài báo tiếng Anh, hai phần chính của văn bản - tiêu đề và lời dẫn - có mối quan hệ chặt chẽ, phụ thuộc vào nhau và hỗ trợ cho nhau trong việc cung cấp thông tin và thu hút độc giả. Các chức năng này được thực hiện thông qua mối liên kết duy trì và phát triển chủ đề của ngôn bản báo. Đề duy trì chủ đề phương thức lập - phương án an toàn và dễ nhận biết nhất - được lựa chọn và áp dụng một cách sáng tạo dưới dạng lập nghĩa biến đổi dạng thức, được sử dụng trong sự kết hợp với đồng nghĩa gần tạo nên hiệu quả cao. Không chỉ được duy trì, chủ đề của tiêu đề còn được phát triển thông qua các phương thức từ vựng và cú pháp - quan hệ toàn bộ - bộ phận, kết hợp từ, cú phụ và bổ nghĩa cho danh ngữ - tạo nên mối quan hệ khăng khít, không tách rời và hỗ trợ lẫn nhau của hai bộ phận quan trọng nhất của một văn bản báo. Đây cũng được coi là hai bước cơ bản nhất của cả quá trình nêu vấn đề và tìm giải pháp thông qua việc các thông tin quan trọng nhất của văn bản báo được giới thiệu ở tiêu đề được duy trì giúp người đọc nhận biết và phát triển giúp họ hiểu và chấp nhận một cách tự nhiên và không nhầm lẫn.

Tài liệu tham khảo

Tiếng Việt

- Nguyễn Thiện Giáp (2016). *Từ điển Khái niệm Ngôn ngữ học*. Hà Nội: NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
- Nguyễn Thị Việt Thanh (1999). *Hệ thống liên kết lời nói tiếng Việt*. Hà Nội: Nhà xuất bản Giáo dục.
- Trần Ngọc Thêm (1999). *Hệ thống liên kết văn bản tiếng Việt*. Hà Nội: Nhà xuất bản Giáo dục

Tiếng Anh

- Finegan, Edward (2008). *Language: Its Structure and Use*. 5th edition, Thomson Wadsworth.
- Galperin, Ilya Romanovich (1997). *Stylistics*. Moscow: 'Higher School'
- Halliday, M.A.K, Hasan, Ruqaiya (1976). *Cohesion in English*. London: Longman.
- Nguyen Thi Thu Hang (2016). Sport Metaphors in

Political News Headlines. *VNU Journal of Foreign Studies*, 32(2). ISSN 2525-2445. Available at: <<https://js.vnu.edu.vn/FS/article/view/1538>>. Date accessed: 14 sep. 2017.

- Harkrider, Jack. (1997). *Getting started in Journalism*. National Textbook company.
- Nguyen Hoa (2000). *An Introduction to Discourse Analysis*. Hanoi: VNU Press.
- Hosbeg. *Difference Between Online and Print Journalism*. <http://hosbeg.com/difference-between-online-and-print-journalism/>, Accessed: 4/8/2017 9:00
- Introduction Paragraphs*. <https://www.mesacc.edu/~paoih30491/intropgph.html>, Accessed: 15/7/2017 13:00
- Knowledge Translation Network Africa, *Writing Newspaper Articles*, <http://www.ktnetafrica.net/news/writing-newspaper-articles>, Accessed: 12/6/2017 18:00
- Lea, Diana; Bradbery, Jennifer; Poole, Richard; Warren, Helen (2008). *Oxford Learner's Thesaurus: A Dictionary of Synonyms*. Oxford: Oxford University Press.
- Nguyen Thi Kim Luyen (2016). Linguistic Characteristics of Feature-Story Headlines in Native English Newspapers and Magazines. *VNU Journal of Foreign Studies*, 32(4), <https://js.vnu.edu.vn/FS/article/view/4046>, Accessed: 14/8/2017 14:00
- Mallete, Malcolm F. (1990). *Handbook for Journalists of Central and Eastern Europe*. World Press Free Committee.
- Michael, Angelina; Subrayan, Muthusamy; Chitra, Suppiah; Puspallata C; Joseph, Caroline; Razali Sulia Masturina binti Che (2013). Cohesion in news articles: a discourse analysis approach. *International Journal of Applied Linguistics & English Literature*. (2)3; May 2013. <http://www.journals.aiac.org.au/index.php/IJALEL/article/view/864/794>, Accessed: 12/8/2017 10:00
- Michigan University. *How to Write a Good Introduction*. <http://writing.msu.edu/how-to-write-a-good-introduction/>, Accessed: 15/6/2017 11:00
- Morris, Jane; Hirst Graeme. *Lexical Cohesion Computed by Thesaural Relations as an Indicator of the Structure of Text*. http://delivery.acm.org/10.1145/980000/971740/p21-morris.pdf?ip=123.16.64.14&id=971740&acc=OPEN&key=4D4702B0C3E38B35%2E4D4702B0C3E38B35%2E4D4702B0C3E38B35%2E6D218144511F3437&CFID=799213545&CFTOKEN=64132941&_acm_=1503139085_1925f90034dc13d53d95062955a49947. Accessed: 10/8/2017 12:00
- Neal, James M., and Brown, Suzanne S. (1982). *Newswriting and Reporting*. The Iowa State University Press.
- Nordquist R. (2016). *Cohesion Strategies: Repeating Key Words and Structures*. <https://www.thoughtco.com/repeating-key-words-and-structures-1690555>,

- Accessed: 16/6/2017 19:00
- Nordquist, Richard (2017). *Test Your Sentence Expanding Skills*. <https://www.thoughtco.com/sentence-expanding-grammar-exercises-1691946>, Accessed: 19/6/2017 21:00
- On *Analyzing a Problem-Solution Text Pattern*. <http://www.birmingham.ac.uk/Documents/college-artslaw/cels/essays/writtendiscourse/oliveiraM1WD.pdf>, Accessed: 15/8/2017 14:00
- Ngo Dinh Phuong (2009). Problem-solution pattern in English online brief news on Vietnam. *VNU Journal of Foreign Studies*, (25)3; <https://js.vnu.edu.vn/FS/article/view/2421>, Accessed: 15/8/2017 10:00
- Rafter, Michelle V. (2014). *Writing basics: how to write a lead*, <http://michellerafter.com/2014/07/14/writing-basics-the-lead/>, Accessed: 15/7/2017 12:00
- Smith, Jessica E. (2005). *Content differences between print and online newspapers*. MA thesis. University of South Florida.
- Speakman, Burton C. (2011). *Print vs. online journalism: are believability and accuracy affected by where readers find information?* (THESIS) Lincoln, Nebraska. <http://digitalcommons.unl.edu/cgi/viewcontent.cgi?article=1022&context=journalismdiss>, Accessed: 16/7/2017 21:00
- Steele, Jason (2015). *6 Ways Digital Journalism Is Very Different from Print Journalism*. <http://contently.net/2015/03/20/resources/6-ways-digital-journalism-different-print-journalism/>, Accessed: 20/7/2017 23:00
- Tereszkiewicz, Anna. (2012). *Lead, headline, news abstract? – genre conventions of news sections on newspaper websites*. *Studia Linguistica Universitatis Iagellonicae Cracoviensis* 129. https://www.wuj.pl/UserFiles/File/Studia%20Linguistica%20129/SLing-129_14.pdf, Accessed: 16/8/2017 1:00
- VanderMey; Randall, Meyer, Verne; Rys, John V.; Kemper, Dave; Sebranek, Pat; College Writers*, Introduction Paragraph. <https://www.mesacc.edu/~paoih30491/intropgph.html>, Accessed: 12/6/2017 12:00
- What is an opening paragraph?* <https://www.iusb.edu/english/academic-programs/first-year-writing/Essential%20Handouts%20Opening%20Paragraph.pdf>, Accessed: 5/7/2017 13:00
- Wehmeier, Sally, McIntosh, Colin, Turnbull, Joanna (2010). *Oxford Advanced Learner's Dictionary*. 7th edition. Oxford University Press.
- Wikipedia, *Article (publishing)*. [https://en.wikipedia.org/wiki/Article_\(publishing\)](https://en.wikipedia.org/wiki/Article_(publishing)), Accessed: 10/6/2017 8:00
- Xian-mo, Zeng. (2007). Semantic relationships between contextual synonyms. *US-China Education Review*, USA, Sep. 2007, *Volume 4*, No.9 (Serial No.34). <http://files.eric.ed.gov/fulltext/ED502523.pdf>, Accessed: 10/7/2017 9:00

THE RELATIONSHIP BETWEEN HEADLINES AND LEADS OF ENGLISH ONLINE NEWSPAPERS

Nguyen Thi Thanh Huong

*Department of Foreign Languages, Academy of Journalism & Communication,
36 Xuan Thuy, Cau Giay, Hanoi, Vietnam*

Abstract: Being two essential and most important parts of an article in English, headline and lead are closely related not only from journalistic but also linguistic view points. If it is the role of the headline to introduce the article's topic, the lead's function is to maintain and develop the topic raised by the headline through lexical and syntactical devices. This kind of topic maintaining and developing cohesion is established in order to enhance the leads' ability to give supporting details to headlines to fulfill their duties: providing information and attracting readers. This study investigates 150 articles randomly selected from 3 typical English online newspapers: 'BBC', 'The Guardian' and 'The Reuters' in order to discover general and particular characteristics of these newspapers' style. Despite the difference between the level of topic development of the certain newspaper and article, series of lexical and syntactical devices used for topic maintaining and developing cohesion may co-exist in a lead in order to create the close and inseparable connection between these two parts of an article.

Keywords: headline, lead, maintaining topic, developing topic